

CHƯƠNG II

Sinh hoạt văn hóa miền biển (Phần 2)¹

e. Vè:

Vè là thể loại văn học dân gian rất phổ biến ở vùng biển Đà Nẵng. Như tên gọi của thể loại vè là thuật ngữ hoàn toàn thuần Việt bắt nguồn từ cách nói vần vè của người bình dân. Vè miền biển Đà Nẵng phát triển khá mạnh, bao quát cả một phạm vi đề tài rộng, phong phú. Căn cứ vào nội dung ta có thể chia vè ở Đà Nẵng làm ba loại chính:

-Vè phản ánh tình yêu quê hương:

Trước tiên, vè ca ngợi cảnh đẹp quê hương với lòng tự hào sâu sắc:

*Quê tôi có lũy tre xanh
Có con sông vịnh chảy quanh ra Hàn
Quê tôi có chiếc đò ngang
Có cô thôn nữ nhặt khoan mái chèo...*
(Vè Quê tôi)

Tourane – bến tàu Courbet (đoạn ngã ba Bạch Đằng – Quang Trung bây giờ) (Ảnh tư liệu)

Nhiều địa danh ở miền biển Đà Nẵng đã đi vào vè với một tình yêu quê hương sâu đậm. Với cái nhìn từ hướng Đông của



¹ Ảnh đại diện: Đường Jules Ferry thời Pháp, nay là đường Trần Phú.

những người đi biển, chúng ta sẽ thấy Đà Nẵng dần hiện ra như một bức tranh thủy mặc, với một khung cảnh thơ mộng. *Về các lái* đường biển ngang qua vùng ven biển Đà Nẵng có ghi:

*"Ngó lên núi Ải¹ rất cao
Ta sẽ lần vào dải Chuối hang Dơi²
Anh em nước chỉ thành thơ
Hòn Hành³ nằm đó là nơi cửa Hàn⁴
Cửa Hàn còn ở trong xa
Trước mũi Sơn Trà sau có hòn Nghê⁵
Vũng Nôm, bãi Bắc dựa kê
Mỹ Khê làng mới lắm nghề lưới đăng
Ngó vô Non Nước thẳng băng
Có chùa thờ Phật, Phật hằng linh thiêng..."*

Thêm vào đó là những bài về ca ngợi những đặc sản quê hương:

*... Ai về Hà Quảng, Hà My
Cá tươi nước mắm thiếu gì bạn ơi!...!
Với những ngành nghề truyền thống:
Miền duyên hải quận Sơn Trà
Ăn ở sớm trưa chuyên nghề ngoài khơi
Mành đèn, lưới quét, giã đôi, giã tép, giã cào sanh
nhai..*

*Ai về Non Nước thì về
Non nước có nghề khắc đá lừng danh....*

¹ Núi Ải : Núi hải Vân giữa Huế và Đà Nẵng

³ Hòn Hành (thời trước có tên là núi Thông Sơn, thời Minh Mạng có tên là Định Hải, núi nơi chân đèo Hải Vân. Từ xa nhìn có dáng như hình củ hành. Nơi đây thời Minh Mạng 1823 có đặt một pháo đài để phòng thủ Đà Nẵng, gọi là pháo đài Định Hải.

⁴ Có dị bản khác: Hòn Hành thấy đó là nơi Vũng Hàn/ Vũng Thùng còn ở trong xa...

⁵ Hòn Nghê: Bãi biển Hà Thân ngó ra thấy có 1 hòn đảo lúp nhúp giống hình con nghê.

Về phản ánh những tri thức của nhân dân về thiên nhiên cảnh vật, sự vật như: Về trái cây, về các thứ hoa, về chim chóc đặc biệt phổ biến nhất là bài về các loài cá. Ở Đà Nẵng chúng tôi đã sưu tầm được năm bài về về các loại cá rất hay:

*Cá biển cá bầy
Kể này là con cá nục
Cắt ra từng khúc
Là con cá chình
Trai gái rập rình
Là con cá ve
Chồng nói vợ nghe
Là con cá mát
Đem tiền đánh bạc
Là con cá cờ
Tôi ngủ hay rờ
Là con cá ngựa
Ăn ngày hai bữa
Là con cá cơm
Ăn chẳng kịp đơm
Là con cá hấp
Rủ trèo lên dốc
Là con cá leo
Miệng thở phì phèo
Là con cá đuối
Nhọn mồm nhọn mũi
Là con cá rô
Nhậu hũ nhậu vò
Là con cá nhét
Nấu ra độ trệt
Là con cá khoai
Da dính cát hoài*

Là con cá nhám
Khệnh khà khệnh khạng
Là con cá măng
Già rụng hết răng
Là con cá móm
Chân đi lợm khộm
Là con cá bò
Ăn chẳng biết no
Là con cá nóc
Có gai trên tróc
Là con cá ngạnh
Thân có hai cánh
Là con cá chuồn
Dẫu trai vô buồng
Là con cá ngô
Nghe lời trai dồ
Mang gói sang sông
Bỏ mẹ theo chồng
Là con bạc má
Ở nhà cam khổ
Chẳng dám múc đầy
Gặp mãi, nhẹ tay
Là con cá thiếu
Anh sáng chẳng chiếu
Là cá hằng sa
Gặp nhau xề xòa
Là con cá lạt
Nhiều xương ít nạc
Đi đường phải tránh
Là con cá mương
Thân mập lút xương

Là con cá núc
Bờ cao nhảy thoát
Là con cá dao
Chẳng dẫu xông xao
Là con cá liệt
Nhằm cối giã cu dết
Là con cá chày
Hai đũa gặp nhau
Là con cá ngộ...

Bài 2

Cá biển, cá đồng
Cá sông, cá ruộng
Là cá tràu ô
Ăn nói hằm hồ
Là con cá sừ¹
Đưa đi biệt xứ
Là con cá đày¹
Hay gặp mặt nhau
Là con cá ngộ¹
Trong nhà nghèo khổ
Là con cá bầy¹
Chẳng dám múc đầy
Là con cá thiếu¹
Mỗi ngày một thiếu
Là con cá phèn
Ăn nói vô duyên
Là con cá lạc
Trong nhà rầy rạc

¹ Những loài cá này ngày nay không còn thấy ở vùng biển Đà Nẵng nữa.

Là con cá kình
Trai gái rập rình
Là cá trích ve
Đỗ mãi không nghe
Là con cá ngạnh
Là con cá mương
Mập béo không tường
Là con cá mực
Được nhiều diễm phúc
Là con cá hanh
Phản lại cha anh
Là con cá giếc
Suốt ngày ăn miết
Là con cá cơm
Chẳng kịp dọn cơm
Là con cá hấp
Rủ nhau lên dốc
Là con cá leo
Hay thở phì phèo
Là con cá đuối
Vừa đi vừa cúi
Là con cá khò
Hay nói làm xàm
Là con cá gáy
Vừa trốn vừa chạy
Là con cá chuồn
Cứ viết lách luôn
Là con cá chép
Nghe tui kể tiếp

Trong cuộc sống, người Đà Nẵng thường được ca ngợi là lạc quan yêu đời ham sống. *Bài Vè nói ngược, Vè nói láo* thể hiện tính thích trào lộng của người Đà Nẵng:

*Lẳng lẳng mà nghe
Cái vè nói ngược
Ngựa đua dưới nước
Cá chạy trên bờ...*

(Vè nói ngược)

*Ngồi buồn kể chuyện láo thiên
Hồi nhỏ tui có đi khiêng ông trời
Đêm nằm thấy muỗi đớp dơi....
Bù hung đám giỗ đi mời ông voi...*

(Vè nói láo)

- Vè sinh hoạt xã hội

Là bộ phận vè mang tính thời sự và mang tính địa phương rõ rệt. Loại vè này rất gần gũi với đời sống nhân dân. Mọi sự việc xảy ra trong làng trong xã nếu gây ra dư luận và tạo nên sự thu hút của mọi người đều có thể trở thành đề tài của vè. Loại vè này rất nhanh nhạy, kịp thời nên nhân dân ngày trước xem đây như một loại “khẩu báo”. Vè loại này đáng chú ý nhất là những bài vè phản ánh những thiên tai (sóng biển) bão lũ. Trong lịch sử, Đà Nẵng từng chứng kiến nhiều cơn bão khủng khiếp như bão năm Giáp Tý 1924, bão năm 1989, bão Chanchu (2006 Bính Tuất)...² Vè ở

² Theo bản thảo đề tài *Tri thức dân gian của ngư dân Đà Nẵng trong nhận biết dự báo bão, lũ tại miền biển Đà Nẵng và ngư trường Hoàng Sa*, Nguyễn Thị Thu Sương, Võ Văn Hòe (2017), cho biết những cơn bão lịch sử tại miền biển Đà Nẵng: Ngày 23 - 3 - 1893 (Quý Ty), theo Phở hệ tại nhà thờ tập linh quận Thanh Khê, cơn bão lớn làm cho 1.500 ngư dân của hai làng Thanh Khê, Hà Khê chết và mất tích trên biển. Năm 1964 (Giáp Thìn), một trận lũ lụt lớn, đỉnh lũ tại làng Ái Nghĩa là 10,57 mét, tại Cẩm Lệ là 3,50 mét. Đây là cơn lũ lụt lịch sử tại Quảng Nam-Đà Nẵng đến thời điểm này. Năm 1989, cơn bão Cecil (bão Tháng Tư), cấp 11, giạt trên cấp 11 vào đất liền làm cho 722 người chết và mất tích, 336.344 ngôi nhà bị sập đổ, 500 tàu thuyền bị đắm (đã có bài vè). Năm 1998, bão số 5 thổi vào Đà Nẵng 4 ngày, từ ngày

miền biển Đà Nẵng ghi lại một cách đầy đủ, sinh động những cảnh tượng hãi hùng do thiên tai ập đến đối với dân miền Trung:

*Lặng lặng mà nghe
Cái vè Giáp Tý
Cũng vì thiên ý
Răn dạy người ta
Biểu đưng kiêu sa
Vây mà chịu chết...
Khắp vùng tám tỉnh
Mưa gió ùng ùng
Người ta chết hung
Sông Cầu nặng nhất
Cù Mông núi nứt
Quảng Nam lở thành
Nước lớn thành linh
Ba ngày không dứt...*

(Vè năm Giáp Tý, 1)

20 đến 24 - 11 gây nên lũ kép. Đỉnh lũ lần 1 tại Ái Nghĩa là 10,37 mét, tại Cẩm Lệ là 3,31 mét, đỉnh lũ lần 2 tại Ái Nghĩa cao hơn mức báo động III là 1,09 mét; tại Cẩm Lệ là 2,97 mét, cao hơn mức báo động III là 1,27 mét. Năm 1999 (ngày 1 đến ngày 6 - 11), cơn lũ lớn tại Ái Nghĩa là 10,27 mét, tại Cẩm Lệ là 4,28 mét, xấp xỉ lụt năm 1964. Tại Cẩm Lệ duy trì trên mức báo động III 117 giờ (gần 5 ngày). Ngày 28 - 10 - 2005, bão số 8, sức gió cấp 10, 11, giạt trên cấp 11, gây lũ trên sông Cu Đê trên mức lũ 1999 là 0,2 mét. Năm 2006, bão Chanchu (đã có bài vè), cướp đi sinh mạng 266 ngư dân (tìm được 20 người), Quảng Nam có 160 người, Đà Nẵng 80 người, số còn lại là ngư dân Quảng Ngãi. Ngày 1 - 10 - 2006, bão Xangsane, thổi vào Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên, 69 người chết, 2 người Hà Tĩnh, Quảng Bình mất tích, 19.736 căn nhà bị sập, 273.744 nhà tốc mái, được cho là siêu bão. Ngày 26 - 9 - 2009, bão Ketsana (số 9), cấp 14, 15, thổi dọc ven biển 2 ngày, gió mạnh cấp 10, 11, một trong những cơn bão mạnh nhất 40 năm qua, các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế có 163 người chết, 11 người mất tích, 269 người bị thương, 21.614 nhà bị sập, trôi, 258.264 nhà hư hại và 294.711 nhà bị ngập

Gần gũi và phổ biến nhất là những bài về phản ánh nhưng cơn bão lớn đã đi vào vùng biển Đà Nẵng:

*Trời làm bão lụt phong ba
Do chưng khơi thổi ghe với phà cũng chìm luôn
Anh nghĩ ra số phận quá đau buồn
Nữa chiếc tàu cha mẹ gầy dựng cũng chìm luôn mất rồi
Cuộc chung tình ta vĩnh biệt lắm em ơi
Anh ôm phao mà lội đất với trời có đâu
(Về Bão năm 1989, 1)*

*Làm chi mà bão miết bão hoài!
Quá cảnh lụy lâm ly
Trời làm cơn bão năm ni
Rạng ngày hai mươi một mới day nam nờm
Thọ Quang đang dạo cào tom
Đậu Lao, đậu Nờm có mấy chục đôi
Bao nhiêu lã võ lã hết ra khe đá rồi.
Gió căng quá độ phải trôi vô bờ
Sóng to đập nát tơ bơ
Chiếc chìm chiếc bể, trọt lên bờ ngón ngang
Nhà sập cây gãy chật đàng
Sáng ngày hai mươi một Thọ Quang bơ sờ...
Đoàn người bị bão người chết biết bao cơ
(Về bão năm 1989, 2)*

Sau mỗi cơn bão là cảnh tang thương:

*Ai về bãi biển Thọ Quang
Nhìn ra Hòn Súp, nhìn sang Cù Lao Chàm
Nhìn ra bờ đá, bãi nhòm
Đầy người kiếm xác tàu đang vớt vào
Nhìn về làng xóm thảm đau
Kẻ than người khóc một màu tang thương...
Ngôi tưởng nhớ cảnh tình đau khổ*

*Ai có ngờ bão tố phong ba
Làm cho đau đớn nhiều nhà
Chồng lìa vợ, con lìa cha thảm sầu
(Về bão năm 1989, 3)*

Nỗi đau kêu không thấu trời xanh:
*Kêu trời than ngấn thở dài
Nhìn ra mới biết hình hài con tôi
Trời ơi! Ác nghiệt lắm thôi!
Giết chết lũ trẻ, cuốn trôi tàu thuyền*

Với ngôn ngữ mộc mạc, về đã ghi lại một cách đầy đủ, chi tiết sự mất mát và số người thiệt mạng:

*...Nỗi cơn sóng gió giết oan số người
Thọ Quang gần đã ba mươi
Dưới Lô chết sáu, Sơn Trà hãm hai...*

Về cũng mô tả cảnh một cách tỉ mỉ những cảnh tìm kiếm người thân trong vô vọng sau cơn cuồng nộ của biển:

*Vong hồn các chú, các anh
Linh thiêng phù hộ trôi vô
Gặp nhanh mà để đem về
Kẻ đi kiếm, người lại kiếm kê
Cộng thêm cái số làm nghề
Bốn hai tuổi thiệt (chớ) biết tuổi trai thì nhiều
Người nào cũng có con vợ chít chiu
Phần thì nhà sập, phần thì tàu chìm...
Hiu hiu tui đi kiếm tàu chồng
Tui đặt bàn vong vái sát bờ sông
Vái vong hồn anh phù hộ
Chồng tui gặp nhanh mà kiếm kê cho rồi
Tội mẹ con tui lắm anh ơi!
Anh trôi nổi hướng mô không biết
Tui đứng ngòì không yên...*

(Vè năm 1989, 2)

Trong nỗi đau tuyệt vọng của người ở lại, dường như hồn thiêng của người ra đi cũng khao khát được về bên vợ con để căn dặn đôi lời:

*... Hồn cha về đây giữa lúc canh khuya
Nghe mấy lời con than khóc
Giọt nước mắt vĩa cha từ trần
Ở em ơi! Cuộc hồng trần lưỡng lự nan phân
Em có nghe mấy lời anh dặn
Chón dương trần em đừng quên
Trước hết là anh căn dặn cùng em
Con thơ mấy đứa nhờ em dạy bày
Áo với quần tắm rửa đổi thay
Cái mô rách thì bỏ, lành may mặc vào
Cuộc đời cay đắng biết bao...*

Đặc trưng của vè là tính thời sự, tính mộc mạc, tính địa phương ... , có thể nói về miền biển Đà Nẵng còn có tính phong phú. Sự phong phú này thể hiện ở chỗ mỗi sự kiện không chỉ có một bài vè mà còn có thể có rất nhiều bài vè, chẳng hạn: Vè bão năm Giáp Tý: hai bài; Vè bão năm 1989: bốn bài; Vè con cá: năm bài...

Vè vừa có tính tự sự, vừa có tính trữ tình. Đặc điểm chung của vè thời tiết bão lũ thường có tính tự sự cao. Nhưng đặc biệt những bài vè phản ánh những cơn bão ở miền biển Đà Nẵng lại mang đậm yếu tố trữ tình. Những bài vè này không chỉ ghi lại diễn biến của những cơn bão mà nó còn phản ánh những đau thương mất mát của nhân dân, phô diễn những tình cảnh bi thương, đó là những lời trần trối, những tâm sự ai bi của những người chồng, người cha phải bỏ xác vì mưu sinh trên biển:

*Khuyên em bởi ông trời làm nệm chéch, gỏi nghiêng
Ai có xuôi buồm thuận lái*

*để con chim quyên kêu sầu
Anh nghĩ ra lệ ướt thấm bầu
Nhân tình chồng vợ, để con sầu lại cho em
Mây trên trời lặn gió nửa đêm
Hồn anh về căn dặn cùng em đôi lời.*

Chính những nội dung này đã làm cho về ở vùng biển Đà Nẵng ít nhiều mang âm hưởng của về *than thân*. Phản ánh sâu sắc cuộc đời cơ cực, gian nan của người dân biển.

Thời tiết khắc nghiệt cộng thêm thiên tai bão lũ, cuộc sống của người dân biển thật khôn khó. Thể hiện nhiều nhất là ở người đàn ông, người cha, người trụ cột của gia đình. Chúng ta hãy nghe tâm sự của một người cha vạn chài:

*Dù cho sóng lớn gió to
Dù cho cực khổ ba vẫn lo đi làm
Giàu mà ai lại chẳng ham
Vì ba nghèo khó nên phải làm để nuôi con
Vái trời cho chân cứng đá mòn
Dẫu rằng cực khổ để các con nên người
Đêm đêm nằm giữa biển khơi
Phân mưa phân tạnh phân trời không trăng
Phân thì nước chảy gió sấm
Nhiều đêm ba chẳng có ăn uống gì
Gian lao nào có quản chi
Mong sao mỗi chuyến tàu đi cá nhiều
Ngày nay cực khổ bao nhiêu
Để cho con được mai chiều con ơi!
Lênh đênh mặt biển chân trời
Sớm mai bác xuống chiều thời nôm lên
Đêm đông ba ngủ thiếu mền
Ngày chạp tháng giỗ ba quên mất rồi*

Hết xuân hè đến con ơi!
Hết thu rồi lại đến hồi sang đông
Ba nhớ con, má con lại nhớ chồng
Chiều chiều ra biển chờ trông tàu vào
Vợ chồng tình nghĩa biết bao
Nhưng vì biển già biết sao bây giờ
Em ở nhà nuôi dưỡng con thơ
Rủi khi mưa nắng phải nhờ bà con
Anh nguyên một dạ sắt son
Một bên là biển bên còn có em
Anh ngồi cầm lái suốt đêm
Trông sao biển lặng trời êm anh về
Vợ chồng tình nghĩa phu thê
Mười ngày trên biển không về cũng vì con
Anh còn đây tình nghĩa vẫn còn
Quê hương biển cả non nước là nhà
Sáng nay tàu mới chạy ra
Nghe đài báo gió biết mà núp đâu
Chạy vô tổ đá tổ bầu
Nếu nằm trên biển núp đâu bây giờ
Nhìn quanh chẳng thấy bến bờ
Tối rồi gió xuống như tơ rối lòng
Mong sao gió trăng trời trong
Anh em lái bạn mới mong ngày về
Gian nan vất vả vì nghề
Mai rồi biển lặng cá về đầy khoang
Qua hồi cực khổ gian nan
Để cho con cháu giàu sang với đời
Ngày nay ba đã già rồi
Mấy lời tâm sự cuộc đời của ba

- Về lịch sử

+ *Về đấu tranh chống phong kiến*

Đa số những bài về lịch sử sưu tầm được ở Đà Nẵng đều gắn liền với những sự kiện chính trị trọng đại của địa phương từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX. Lịch sử nước ta đã từng nổ ra những cuộc khởi nghĩa long trời lở đất chống áp bức bóc lột. Nếu trong các bộ sử chính thống của triều đình phong kiến không dám ghi lại những cuộc đấu tranh này hoặc ghi lại một cách xuyên tạc thì tác giả dân gian đã dũng cảm ghi lại một cách trung thực, chi tiết bằng thể loại vè. Ký ức về những anh hùng áo vải và những cao trào đấu tranh giải phóng giai cấp được ghi lại một cách chân thực qua các bài vè ở các địa phương của cả nước. Ở Đà Nẵng nói riêng và miền Nam Trung bộ nói chung, trước đây rất phổ biến bài vè *Chàng Lía*. Chàng Lía là một cô nông tỵ phát đấu tranh với bọn cường hào, về sau trở thành thủ lĩnh nổi tiếng của những người chống áp bức:

*Lừng danh chàng Lía tài cao
Thâu được thành nọ tiếng hào đồn vang
Võ về chiêu dụ trăm dân
Về sau yên ổn mười phần làm ăn...*

Dưới chế độ phong kiến, cơ cấu xã hội chủ yếu có hai thành phần: kẻ thống trị và người bị trị. Do đó tiếng nói đấu tranh trong nội dung vè chủ yếu là tiếng nói của nhân dân lao động phản kháng đấu tranh với bọn thống trị. Nhiều bài vè kể lại một cách sinh động từng chi tiết sự tàn nhẫn của bọn nhà giàu đối với người lao động nghèo khổ:

*Một điều ý sai
Đánh chảy máu mồm
Ăn một bát cơm
Đôi đôi bát máu...*

Dưới chế độ phong kiến thực dân, nhân dân ta một cổ hai tròng thật là cơ cực. Sau thế chiến thứ nhất, bọn giặc Pháp càng

ra sức vợ vét tài nguyên lương thực ở các nước thuộc địa đem về làm giàu cho chính quốc. "*Tức nước vỡ bờ*", "*Có áp bức có đấu tranh*", ngày 11 tháng 3 năm 1908, cuộc biểu tình chống sưu thuế nổ ra đầu tiên ở Đại Lộc rồi lan nhanh xuống Điện Bàn, Hội An, Đà Nẵng và sau đó lan ra cả Trung Kỳ:

*Lẳng lẳng mà nghe
Cái vè xin thuế
Mùa màng mất tẻ
Buôn bán không ra
Kẻ gần người xa
Cũng nghèo cũng khổ...*

Đây là phong trào chống sưu thuế mạnh nhất ở nước ta vào thế kỷ thứ XX. Phong trào bị chính quyền bấy giờ đàn áp khốc liệt, nhiều người tham gia bị tù đày tra tấn, nhưng tinh thần đấu tranh chống sưu thuế của nhân dân ta thì không bao giờ bị dập tắt. Về chủ đề này, ở Đà Nẵng có đến bốn bài vè khác nhau: *Vè xin xâu*, *Vè xin sưu*, *Vè xin sưu chống thuế*, *Vè xin sưu thuế*.

+ *Vè đấu tranh chống Pháp*:

Vè luôn đồng hành cùng lịch sử ngay từ sau phát súng đầu tiên giặc Pháp bắn vào Đà Nẵng vào chiều ngày 21/8/1958 nhân dân Đà Nẵng đã biết sử dụng vè như một loại "Khẩu báo" ghi lại một cách sinh động sự kiện lịch sử trọng đại này:

*Tàu này tàu lạ
Chưa biết dữ hiền
Sức hết ghe thuyền
Vời lương vô Tĩnh
Các quan ngồi tỉnh
Tàu này làm hung
Phái ông chánh chung
Qua nơi Sơn Thủy
Xây bờ đắp lũy*

Để chống quân Phiên...

Về còn ghi lại một cách sinh động cảnh bắn phá của giặc Pháp trong những ngày đầu tiên thực hiện ý đồ xâm lược. Có thể xem đây là những tư liệu quý giá để các thế hệ sau thấy được những gì đã diễn ra trong những ngày đầu liên quân Pháp-Y Pha Nho bắn phá Đà Nẵng:

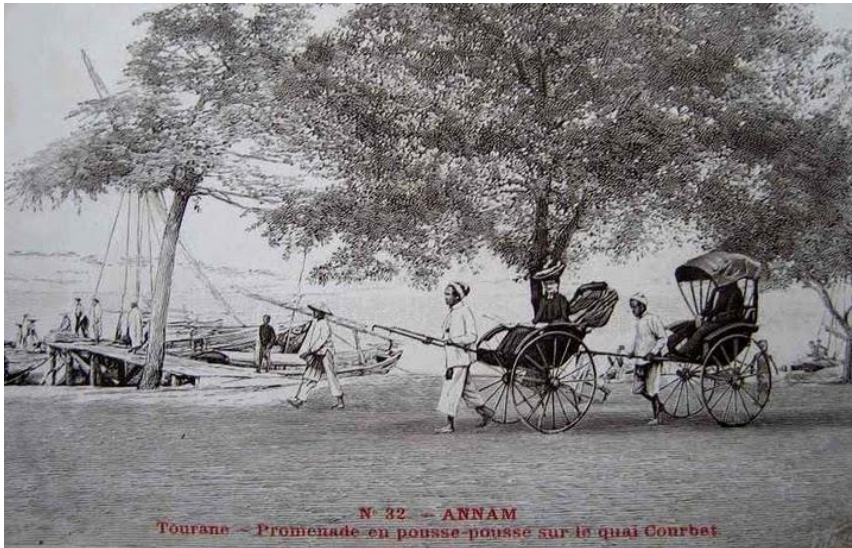
*Thần công nó bắn
Đạn nổ ùng ùng
Nổ bắn lung tung
Vào thành Đà trón
Cho quân xâm lán
Đổ bộ Sơn Trà
Lệnh ông Đại sứ
Đánh xáp lá cà
Tây chết bẽ bộn
Năm tàu lông lộn
Nó nả thần công
Đạn nổ ùng ùng
Bốn phương tám hướng
Lính triều hoảng vía
Bỏ chạy tứ tung
Quan tướng đều lo
Máy dây quán kho
Cũng đều bỏ chạy...*

Bài về này cho thấy bọn giặc Pháp cậy tàu to, súng lớn uy hiếp dân ta nhưng ngay từ buổi đầu, dân quân Đà Nẵng đã quyết tâm đánh giặc. Ở vùng Thanh Khê nhân dân đã đánh Pháp bằng cách giăng lưới bủa giặc.

*Lệnh truyền đem lưới bủa giăng
Tàu mắc nhùng nhằng nó không đi được*

Có những bài về mô tả một cách sinh động cả những chi tiết về thời gian, địa điểm xảy ra trận đánh.

*Chiều qua vào lúc giờ thân
Tan bản rần rần xạ ngược bờ sông
Xạ sâu vào đến đồn Đông (tức thành An Hải)
Nổ súng ùng ùng quyết chiến đồn ta
Trên bờ ta bắn pháo ra
Hai cây hỏa hổ bắn đả thiệt hung
Cột buồm nó gãy
Tam bản nó tung
Tây thiên hãi hùng, nó kêu, nó xô
Nó la hô hô tam bản xạ lui
Trời đã tới rồi ta không đánh nữa.*



Tranh vẽ Đà Nẵng xưa ở bến tàu Courbet với những xe kéo của người bán xứ phục vụ một cặp vợ chồng người Âu. Dưới sông là những chiếc ghe bầu đang cập cầu tàu để buôn bán, bốc dỡ hàng hóa (cầu tàu này là tiền thân của chiếc cầu chữ T trước mặt UBND thành phố hiện nay). (Ảnh tư liệu).

Bài về được được nhiều người biết đến ở vùng Quảng

Nam, Đà Nẵng là Vè Khâm sai. Vè Khâm sai xuất hiện khoảng năm 1886, phản ánh việc khâm sai Nguyễn Thân đem quân triều đình nhà Nguyễn phối hợp với quân viễn chinh Pháp vào đàn áp phong trào Nghĩa Hội ở Quảng Nam do Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo. Đây là phong trào chống Pháp tiêu biểu của nhân dân Quảng

Nam, Đà Nẵng được các chí sĩ yêu nước bấy giờ hưởng ứng mạnh mẽ:

*Lẳng lẳng mà nghe,
Cái vè sai đạo
Quân vi tráp báo
Vụ dĩ an dân
Khâm sai đại thần
Kéo vô Đà Nẵng...*

Sau cuộc đàn áp này, phong trào bị lắng xuống, Nguyễn Duy Hiệu bị xử trảm ở An Hòa. Sau đó, phong trào Duy Tân ở Quảng Nam, Đà Nẵng lại tiếp tục nổi lên với tên tuổi của những chí sĩ yêu nước như Phan Châu Trinh, Thái Phiên, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng... Với việc tìm cách tiếp cận vua Duy Tân để hiến kế chống Pháp, có thể nói chính Thái Phiên - người con ưu tú của Đà Nẵng là kiến trúc sư trưởng của phong trào Duy Tân. Phong trào bấy giờ hoạt động thật rộng rãi, mạnh mẽ, đa dạng. Ngoài việc lập các Hội buôn, hội nông, các nhà nho thi đỗ không chịu ra làm quan về mở trường dạy học. Bấy giờ phong trào bình dân học vụ, phong trào chống hàng ngoại hóa nổi lên rất mạnh mẽ:

*Nước mắm ngon dằm con cá đối
Gạo ba trắng sáo với khoai bù
Đợi chi sữa ngọt, rượu mùi
Đợi chi vải bóng mới vui cửa nhà
Đợi chi nhung lụa lượt là
Đợi chi ăn diện mới ra con người.*

(Vè chống hàng ngoại hóa)

*Ngày nay mở hội bình dân
Chống nạn mù chữ chuyên cần thi đua
Đồng bào đừng tính hơn thua
Giấy mực có mắc cũng ráng mua học hành...*

(Về học bình dân)

Thành phố Đà Nẵng một thời được mệnh danh là thành Thái Phiên, có bài về ca ngợi thành Thái Phiên:

*Thái Phiên! Thái Phiên!
Sóng lòng hay sóng biển triền miên
Nói sao hết nỗi niềm Đà Nẵng
Trong từng giọt nước xanh
Mùa thu cách mạng bùng lên
Đuổi thẳng Tây lỗ lật tên Nhật lùn
Gió độc lập ùn ùn thổi tới
Cờ tự do phát phốt tung bay
Thái Phiên hớn hở mặt mày
Phố phường giơ những bàn tay đón mời
Chung hội lớn sao ngời mặt biển
Góp phần vui, cờ huyện bên hoa
Sum vầy sóng vỗ lời ca
Trăng lên đỉnh núi Sơn Trà sáng trưng
Từng hạt cát cũng mừng hội ngộ
Tiệc đoàn viên cây cỏ hân hoan
Tắm lòng xứ Quảng thênh thang
Nước con sông Cái con sông Hàn hòa chung...
Thành Thái Phiên đắm mình trong khói lửa
Đất anh hùng lần nữa quyết hi sinh
Phơi tim non cho sắt biển thái bình
Mang sắc máu con Hồng cháu Việt
Thuở vong quốc từng bao cách Việt
Suốt trăm năm làm đĩa con hoang
Ôi nhớ thương lạnh lẽo cái tên Hàn
Nhật thất trận đồng minh chia vĩ tuyến
Trung Hoa đóng rồi thời cơ biến chuyển*

*Thành Thái Phiên súng đạn nổ vang lừng
Đất lịch sử nghe linh hồn chảy máu
Đoàn vệ quốc cầm răng thề chiến đấu
Mưa liên thanh, đại bác xối quanh mình
Những dân quân tự vệ quyết hi sinh
Mang lựu đạn xông vào khói lửa
Em tình báo lòng căm máu ứa
Chị cứu thương hăng hái lên đường
Thương dân cũng giúp bỏ quê hương
Chịu đau khổ nặng tình thương tổ quốc.*

Về sau khi phong trào kháng Pháp lan rộng chúng tôi còn sưu tầm được ở đây khoảng 20 bài về thể hiện sâu sắc quyết tâm đánh giặc thẳng giặc của nhân dân vùng biển Đà Nẵng. Có thể đó là lời của những bà mẹ khuyên con, vợ khuyên chồng, cha khuyên con mau bỏ hàng ngũ địch để về với quân dân ta:

*Con sông Hàn nước chảy đôi dòng
Nhìn con sông Tổ quốc chạnh tâm lòng lụy sa
Ở anh ơi! Anh đành mang câu phản quốc vong gia
Anh hại giống nòi dân tộc,
Anh bỏ mẹ già, con cô
Chí hùng cường quyết lăm anh ơi!
Anh ngăn tên đỡ đạn hồi chiến chinh
Em bỗng con than thở một mình
Thương cho người bạn ngọc chôn chiến chinh sơn hà
Nơi gia đình anh đành bỏ phôi pha
Để quân thù sai khiến để thân anh ra nơi sa trường...
Mau mau anh trở về đây
Quốc dân dưới ngọn cờ hồng
Giết quân thù trả nợ nước non
Ơ... để vợ voi chồng mình gặp nhau.*

Có thể đó là lời của những bài về mô tả những cảnh đánh phá tàn bạo của giặc Pháp đối với nhân dân Đà Nẵng. Trong nội dung những bài về nay chúng ta thấy thể hiện tinh thần kiên cường, quyết tâm đánh giặc và thắng giặc của nhân dân ta:

*Dù ai nói đông nói tây
Lòng ta vẫn vững như cây giữa rừng
Cây giữa rừng bám từng hốc đá
Mặc bão bùng chẳng ngã chẳng nghiêng
Tử sinh đã nặng lời nguyện
Bấy lâu gian khổ truân chuyên dạn dày...*

+ Về đấu tranh chống Mỹ:

Năm 1954 sau hiệp định Giơnevơ và nhất là sau chiến thắng Điện Biên Phủ hào hùng, quân Pháp chính thức rút khỏi chiến trường Việt Nam. Tưởng rằng đất nước ta sẽ sạch bóng quân thù nào ngờ đế quốc Mỹ lại âm mưu nhảy vào, mở màn cho một giai đoạn xâm lược mới. Do vị thế đặc điểm của Đà Nẵng, mảnh đất này một lần nữa phải chứng kiến gót giày xâm lược đầu tiên của giặc Mỹ. Sau ngày 9/3/1965 nhân dân Đà Nẵng cùng với nhân dân cả nước bước vào một giai đoạn kháng chiến mới, kháng chiến chống Mỹ. Trong giai đoạn này nhiều bài về đã ra đời phản ánh vạch rõ tội ác của bọn giặc Mỹ:

*Bọn giặc Mỹ một phường gian ác
Giết dân ta đốt phá cửa nhà
Tháng 3 ngày 16 vừa qua
Mân Quang thăm cảnh chan hòa máu tươi...
Nợ máu phải trả bằng máu!
Máu anh em ta đổ Mân Quang¹
Nợ này Mỹ trả gấp ngàn em ơi!*

¹ Mân Quang: Nay thuộc phường Mân Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Đà Nẵng có hàng ngàn liệt sĩ, hàng trăm bà mẹ anh hùng. Hình ảnh của những bà mẹ anh hùng đấu tranh chống Pháp, chống Mỹ được vẽ ghi lại một cách sinh động, cụ thể:

*Mẹ là Bà mẹ Việt Nam
Sống trên bãi biển dưới hàng dừa xanh
Quê hương giặc đốt tan tành
Cửa nhà ra bụi, ghe mành ra tro
Cuộc đời bữa đói bữa no,
Thù này lấy biển mà đo chưa vừa...*

Nhiều bài về là lời của người vợ khuyên chồng:

*Ai đến Chu Lai
Ai về Đà Nẵng
Ai đi Nước Mặn
Cho nhẩn mấy lời
Mỹ thua Mỹ rút đi rồi
Nguy quyền sụp đổ anh thời tính sao?
Tim anh còn giọt máu đào
Sẵn cây súng Mỹ lẽ nào làm ngơ
Hãy mau chớp lấy thời cơ
Lập công chuộc tội em chờ anh đây.*

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ những chiến sĩ Cộng sản đã biết vận dụng một cách sâu sắc linh hoạt thể loại về đề tuyên truyền đấu tranh chống giặc, Nhiều bài về ở Đà Nẵng mang tính ngợi ca, ca ngợi quê hương, ca ngợi Tổ quốc:

*Tổ quốc ơi, ta phát cờ Tổ quốc
Ngọn cờ thiêng màu đỏ anh hùng
Nguyện hy sinh cho đến lúc cuối cùng
Cho đất miền Nam không còn tên lính Mỹ
Là com áo hòa bình tôi vẫn thấy
Tinh thần Tổ quốc thân yêu.*

Chính về cùng với ca dao kháng chiến đã chuyển tải một cách sinh động tài tình những chủ trương, đường lối cách mạng Việt Nam đến với đông đảo quần chúng nhân dân miền biển trong thời kỳ chia cắt đất nước, nhân dân Đà Nẵng vẫn một lòng hướng về Bác, về Đảng với một niềm tin mãnh liệt:

*Cụ Hồ ở giữa lòng dân
Tuy xa, xa lắm nhưng gần gần ghê
Mỗi khi thư cụ gửi về
Rộn ràng khắp chợ cùng quê đón mừng.*

Thắng giặc và ước mong ngày nước nhà độc lập, thống nhất, được Bác vào thăm:

*Ai ra muôn dặm trùng dương
Cũng thường nhận được tình thương Cụ Hồ
Mừng ngày độc lập Cụ vô
Thỏa lòng mong đợi, ước mơ đêm ngày.*

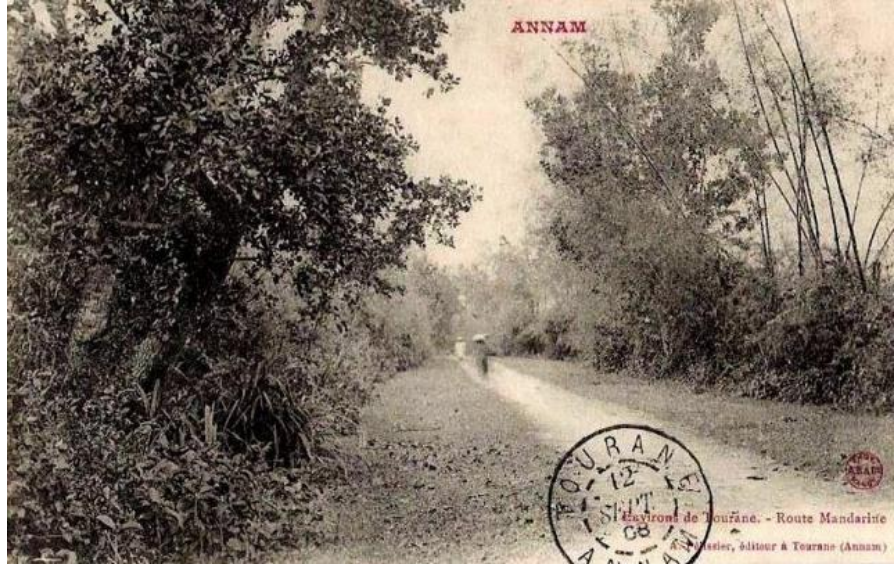
Sau ngày giải phóng nhiều anh bộ đội cụ Hồ đã về thăm lại chiến trường xưa:

*Anh đi anh nhớ quê hương
Chị về chị nhớ tình thương quê nhà
Nay con về lại vùng Ba¹
Nặng công ơn mẹ nuôi ta trưởng thành
Gặp nhau mấy chị cùng anh
Bao nhiêu kỷ niệm để dành lại đây
Bốn mươi mấy năm mới có ngày nay
Ta cùng hồi tưởng đắng cay ngọt lành
Quê em có núi Ngũ Hành
Có bờ cát trắng dương xanh rì rào
Nhớ về biển biếc đẹp sao
Nhớ từng con sóng xô xao rì rào*

¹ Vùng ba: Nay là Sơn Trà và Ngũ Hành Sơn

Nhớ bao ghe lưới ghe mành
Ra khơi, vào lộng y hình quê ta
Nhớ từng giọng hát lời ca
Nhớ bao người mẹ tiễn con lên đường
Anh đi, đi khắp chiến trường
Mẹ, em ở lại quê hương diệt thù
Sống trong tình cảnh mịt mù
Mà ta vẫn nhớ mùa thu đẹp trời
Đấu tranh gian khổ mẹ ơi
Hôm nay non nước đất trời về ta
Chúng con về lại Vùng Ba
Gặp bao người mẹ thiết tha ghen lời
Chắc rằng mẹ cũng ngậm ngùi
Hơn trăm con mẹ qua đời đi xa
Dẫn về thăm mẹ Vùng Ba
Dẫn về chung hát bài ca ngọt ngào
Thương con mẹ rất tự hào
Hy sinh cho lá cờ sao rạng ngời
Vùng Ba ơi! Mẹ ta ơi!
Mênh mông lòng mẹ sáng ngời niềm tin
Mẹ cho nhịp đập trái tim
Con cùng với mẹ xây nên sử vang
Bây giờ đất nước huy hoàng
Cho ta tiến bước thênh thang với đời
Qua rồi gian khổ mẹ ơi!
Làm sao quên được những thời chiến chinh
Cờ sao tỏa sáng bình minh
Mẹ con thăm nghĩa nặng tình quê ta
Chúng con về thăm Vùng Ba
Kính dâng lên mẹ bài ca nghĩa tình.

*“Ai đi trên đường cái
Quan !” Route Mandarine
– Nay là Quốc lộ số 1A, là
con đường huyết mạch từ
Bắc vào Nam – ảnh chụp
năm 1908 (Ảnh tư liệu)*



+ Về xây dựng:

Sau ngày
đất nước thông
nhất dân tộc ta
bước vào một kỷ
nguyên mới. Về

tiếp tục nhiệm vụ phản ánh cuộc sống mới với một khí thế mới,
một cảm quan mới, vui tươi trong không khí hòa bình:

*Sông Hàn dòng nước trong xanh
Có cây cầu mới cùng em qua gần
Anh nhìn xem bến cũ Hà Thân
Cây cao nhà đúc mấy tầng khang trang
Nại Hiên, Mân Thái, Thọ Quang
Bạch Đằng Đông đang mở, khang trang Ngô Quyền
Anh đứng trên cầu Trần Thị Lý ngó qua
Triền sông Mỹ Thị mượt mà rau xanh
Cầu mong biển lặng trời xanh
Được cá biển tàu nhanh mau về
Nắng hè bãi biển Mỹ Khê
Cùng nhau tắm mát hả hê tâm tình
Mỹ Khê xây dựng đẹp xinh
Nhiều khu du lịch mô hình kiêu tân
Ngũ Hành Sơn là chính quê tôi
Sừng sững đứng gần khói hương thơm ngát
Chuông ngân ơ... sớm chiều.
Tôi mời bạn xem quang cảnh chợ Hàn*

*Kẻ mua người bán rộn ràng vào ra
Đông vui xe cộ (là) giáp chiều
Sớm mai bến cảng chiều hàng khách đông...*

Vè là thể loại rất được nhân dân miền biển Đà Nẵng yêu thích. Trong xã hội đương đại, vè được sử dụng như một công cụ để đấu tranh với cái xấu, cái ác nhằm hướng đến cái chân, thiện, mỹ. Vè là công cụ đặc lực tuyên truyền đạo đức cách mạng, đạo đức Bác Hồ:

*Tám gương đạo đức Bác Hồ
Chúng ta học tập để làm theo lời Người
Làm cho đất nước con người
Việt Nam mình giàu mạnh đất trời của ta
Văn minh vẻ đẹp nước nhà
Đời sống văn hóa trên đà dựng xây
Đẩy ngay tệ nạn ra ngoài
Có công trọng thưởng, làm theo lời Người
Cần, kiệm, liêm, chính chí công
Quyết tâm học tập tám gương Bác Hồ.*

Đọc lại những bài vè ở Đà Nẵng, chúng ta càng thấy yêu quý mảnh đất anh hùng giàu truyền thống cách mạng, yêu những con người hồn hậu thủy chung và kiên cường bất khuất. Vè thực sự là vũ khí lợi hại của nhân dân Đà Nẵng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trần Hữu Thung đã có một ý kiến rất hay, rất cảm động về thể loại vè: "*Tôi hiểu lịch sử thôn tôi, về những sự kiện đời trước trong vùng qua những bài vè. Tôi học bài học lịch sử, địa lý vỡ lòng qua các bài vè, và con người, vâng, tôi học đạo lý làm người và hiểu con người qua những bài vè quê tôi một cách thấm thía*"¹

f. Ca dao

¹ Trích: "Vè dòng sữa quê hương Nghệ Tĩnh", *Vè Nghệ Tĩnh, tập 1* Nxb. Văn học 1964, tr23.



Ái Vân Quan trên đường thiên lý ra kinh thành Huế. (Ảnh tư liệu).

Ca dao là thể loại quen thuộc trong kho tàng văn học dân gian cả nước và ở miền biển Đà Nẵng. Ca dao Đà Nẵng phản ánh mọi mặt trong đời sống của con người nơi đây, đặc biệt là nói lên tâm tư, tình cảm của người miền biển. Đọc ca dao miền biển Đà Nẵng chúng ta bắt gặp nhiều đề tài như: Tình yêu quê hương đất nước, tình yêu gia đình, tình yêu lứa đôi... những quan niệm về tình đời tình người. Qua ca dao chúng ta thấy được một Đà Nẵng

xanh tươi thơ mộng với những con người hồn hậu, thủy chung trong cuộc sống, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh.

So với lịch sử văn học dân tộc, văn học dân gian Đà Nẵng nói chung và ca dao Đà Nẵng nói riêng ra đời muộn. Do đó, nó mang phong cách trẻ trung phóng khoáng hơn so với ca dao cổ.

Vào thời bấy giờ, phải nói rằng, Ca dao Đà Nẵng nói riêng và ca dao Xứ Quang nói chung thật sự đã mang lại một dáng vẻ mới, thổi vào hồn ca dao dân tộc một hơi thở mới :

Ở đây ai có sẵn tiền

Cho tui mượn năm quan, tui quá giang ra ngoài Bắc

Tui mua một trăm cái đực, một chục cái chàng, mười tám cái khoan

Tui đóng cái thang, một trăm ba mươi sáu nấc

Tui bắt thầu ông trời vàng

Tui hỏi thăm bà Nguyệt lão chớ duyên nợ nàng về đâu?

Nhận xét về ca dao Nam Trung Bộ nói chung và ca dao Quảng Nam, Đà Nẵng nói riêng nhà nghiên cứu Lê Văn Hảo có một nhận xét xác đáng: “*Dân ca Nam Trung bộ có cái gì đó rất độc đáo trong chất thơ, chất sống, chất tình. Nó nói lên một phần phong cách của con người của một vùng đất mãnh liệt thắm thiết nhưng mộc mạc, chất phát, thật thà đến vụng về thô tháp, không trao chuốt mượt mà, có cái gì phóng khoáng đến táo bạo*”¹

Trong hành trang của mình trên con đường Nam tiến, những con người xứ Bắc, xứ Thanh, xứ Nghệ đã mang theo vốn văn hóa dân tộc. Họ cũng mang theo cả những câu hát, điệu hò của quê cha đất tổ. Chính vì thế mà ta không mấy ngạc nhiên khi thấy hò khoan xứ Quảng có giai điệu gần gũi với điệu hò khoan Thanh Hóa hay thủ tục hát hò khoan ở Quảng Nam, Đà Nẵng rất giống thủ tục hát phường vải ở xứ Nghệ.

Ca dao là tiếng hát tâm tình của nhân dân lao động. “*Tiếng hát đó nói về thế giới bên ngoài nhưng chẳng qua là để cho thế giới nội tâm được ngân nga*”. Trong buổi đầu mở cõi, chính những câu hát điệu hò là nguồn động viên cổ vũ họ trước những gian truân, bất trắc của cuộc đời nơi đất lạ:

Tới đây xứ sở lạ lùng

Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh.

Tới đây lạ cảnh lạ quê

Anh em cũng lạ bốn bề người dưng

- Ca dao về tình yêu quê hương đất nước

¹ Trích kỷ yếu *Văn học dân gian miền Trung* 1981 đại học sư phạm Vinh.

Trong mỗi chúng ta quê hương bao giờ cũng là nơi đẹp nhất
tình yêu quê hương gắn liền với từng cảnh vật từng địa danh từng
sản vật quê hương:

*Nam Ô nước mắm thơm nồng
Đi mô cũng nhớ mùi hương quê nhà*

*Làng tôi nghề biển nghề sông
Những hôm trời lặn cá trong cá ngoài
Cá thu cho chí cá khoai
Còn như cá lẹ cá mai đã nhiều*

*Rủ nhau mua tép Nam Ô
Săn bờ cát trắng phơi khô đem về.*

Ca dao thể hiện tình yêu quê hương sâu đậm:

*Rừng Sơn Chà cây cao bát ngát
Nước sông Hàn dào dạt sóng xanh
Xa quê thương nhớ bao tình
Nhớ sông, nhớ núi, nhớ mình, nhớ ta.*



*Đường làng Đà Nẵng thời
Pháp (Ảnh tư liệu)*

Trong ca dao
miền biển Đà
Nẵng chúng ta
cũng thấy sử dụng
những mô tuýp
quen thuộc trong
ca dao về tình yêu
quê hương đất
nước để sáng tác một câu ca dao mới rất đặc sắc đầy lòng tự hào:

*Ai về Mỹ Thị thì về
Trước sông sau biển rùng kè một bên
Nước Mỹ Thị vừa trong vừa mát
Đường Mỹ Thị nhỏ cát dễ đi
Trai Mỹ Thị đẹp như bông hoa lý
Gái Mỹ Thị đẹp ý có duyên*

Cảm hứng về một Đà Nẵng tươi đẹp giàu có nhiều sản vật nhiều cảnh vật xanh tươi là cảm hứng chủ đạo trong những bài ca dao về tình yêu quê hương ở Đà Nẵng:

*Đất ta bể bạc non vàng
Bể bạc Đông hải non vàng Bông Miêu*

Trong văn học dân gian Đà Nẵng có những yếu tố văn hóa đồng bằng nhưng chủ yếu là văn hóa biển:

*Nại Hiên là làng í e¹
Lấy nước làm muối, lấy tre làm nôi..*

Một bộ phận cư dân Nại Hiên trước đây cư dân làm nghề chài lưới trên sông biển và đốn củi ở núi Sơn Chà hoặc đèo Hải Vân mãi đến thập niên 50 của thế kỷ 20, hằng đêm khi thấy những đóm lửa bập bùng trên đèo Hải Vân của những người Nại Hiên đi củi người dân Nam Ô thường gọi là “*lửa nại*”. Câu ca dao này được sưu tầm ở Đà Nẵng nghĩa tương đối khó hiểu. Có người cho rằng phải chăng đó là cách làm muối của người Đà Nẵng trước đây? Thật ra trong các sách xưa khi nói về “*diêm dân*” và “*diêm*

¹ *Nại Hiên là Nại Hiên ne!*

Lấy nước làm muối lấy tre làm nôi. Nại Hiên là địa danh ở Đà Nẵng. Nại Hiên có nghĩa chung là nơi ở của những người chịu đựng gian khổ”. Trước đây Nại Hiên là làng của những người đất đai bị nhiễm mặn không thể cày cấy được họ kiếm kế sinh nhai bằng nhiều cách sau đó làng mở rộng thêm về phía đông và nam nên có thêm: Nại Hiên Đông Nại Hiên Nam và Nại Hiên Bắc (gần Nam Ô). Hiện nay ở Đà Nẵng còn hai địa danh quen thuộc là Nại Hiên Đông và Nại Hiên Tây.

hộ” ở Quảng Nam xưa không thấy ghi làng Nại Hiên cho nên phải chăng câu ca này chỉ để phản ánh việc nhiễm mặn của vùng đất Đà Nẵng xưa, cư dân không thể làm ruộng mà phải làm những ngành nghề khác để sống. Một bộ phận cư dân Nại Hiên xưa đi núi Sơn Chà đốn củi lấy nước biển cô đặc làm muối, lấy ống tre làm nồi để thuận lợi trong sinh hoạt.

- Ca dao về tình yêu gia đình và xã hội:

Trong quan hệ người miền biển đề cao gia đình, rất trọng đạo hiếu:

Cha mẹ là biển là trời

Con đâu có dám cãi lời mẹ cha

Họ quý trọng nghĩa vợ chồng, tình yêu gia đình gắn liền với tình yêu quê hương, biển cả:

Vợ chồng tình nghĩa phu thê

Mười ngày trên biển không về cùng con

Anh còn đây tình nghĩa vẫn còn

Quê hương biển cả nước non là nhà

Họ cố gắng xây dựng một gia đình hạnh phúc, đầm ấm. Tình yêu gia đình gắn liền với tình yêu lao động. Những làng chài ven biển Mân Thái từ xưa nghề biển thường huy động cả gia đình, dòng họ, tạo nên nghề nghiệp cha truyền con nối, những em bé lớn lên đều theo nghề chài. Và vì là nghề nên họ khuyên nhau dù nghèo nhưng nghề phải giữ. Đánh bắt cá trông môi trường biển, xem biển là tư liệu sản xuất chủ yếu, ra khơi sóng biển bao quanh. Bão gió, thời tiết thay đổi thất thường thường là những điều bất lợi với ngư dân. Trên biển bao la là hoàn toàn trần trụi trước thiên nhiên. Và trong môi trường lao động đó, họ cải biên những câu hò, điệu lý, những câu ca dao, tục ngữ tạo thành những dị bản phù hợp với môi trường lao động của họ. Và đó là tâm tư tình cảm của họ gắn với nghề:

*Con ơi giữ lấy nghề chài
Dù sao gian khổ ngọt bùi đã quen
Đêm ra ngoài biển đốt đèn
Nhìn lên sao sáng phận hèn cũng vui.*

*Chồng chài vợ lưới, con câu
Chàng rể đi xúc, con dâu đi mò*

*Cha chài, mẹ lưới, con câu
Lay trời đừng để tổ giông cho mình.*

Nghề đi biển hay “đi bặt” cho các chủ ghe, dù cật lực lao động, dù chấp nhận đồ mồ hôi và đôi khi cả tính mạng của mình, nhưng có mấy ngư dân giàu có trên trên tư liệu sản xuất là biển cả mênh mông. Họ sống không thể phú quý được, bởi nhờ vào bọt nước. Mọi được - không đều do biển hào phóng hay không. Tiền nhân xứ Quảng đã cố gắng đấu tranh với thiên nhiên và tạo ra những mối quan hệ mới. Trong quan hệ xã hội người miền biển luôn che chở, đùm bọc lẫn nhau:

*Cha chài mẹ lưới con câu
Ăn nhờ bọt nước lấy đâu mà giàu.*

*Anh em tứ hải giao tình
Tuy rằng bốn biển như sinh một nhà*

*Bạn ơi chớ sợ đừng lo
Bên tê sông có bạn, bên tê đò có ta.*
Họ sống thật ân tình thủy chung:

*Ai về nhả với bạn nguồn
Mít non gỏi xuống cá chuồn gỏi lên*

Miền Nam Trung Bộ nhiều sông nước nên câu ca dao trên không còn chỉ là tình cảm của người miền ngược và miền xuôi

mà còn là ân tình chung của những con người trên dải đất miền Nam Trung Bộ¹.

Họ luôn đề cao sự ngay thực. Sự ngay thực được xem như là một nét đặc thù trong bản sắc tâm hồn của người Đà Nẵng :

*Khôn ngoan xử sự tứ bề
Đừng cho ai lận, chớ hề lận ai*

Họ ý thức sâu sắc sự cám dỗ của mùi đời và chân giá trị của cuộc sống:

*Mật ngọt là chỗ chết ruồi
Những nơi cay đắng là nơi thật thà
Lên non mới biết non cao
Ra biển mới biết con sóng chao ngọn gió nhồi
Họ cầu mong sự bình an khi đi biển:*

*Ra khơi bữa có bữa không
Lạy trời đừng để tổ giông đến mình
Họ lên án những dục vọng thấp hèn:
Đói cơm lạt mắm lem hem
No cơm ấm cật lại thêm nợ kia*

Đấu tranh với sự bóc lột:
*Tầm sao tầm chẳng ăn dâu
Ăn ruộng, ăn đất, ăn trâu, ăn nhà.*

Trên mọi lĩnh vực người Đà Nẵng tỏ ra xông xáo, mạnh dạn, gan dạ, mạo hiểm:

*Tay ta cầm cần câu trúc
Ổng câu trúc lười câu thau
Muốn câu con cá biển chớ câu con cá bàu thiếu chi*

¹ Dị bản vùng Nghĩa Bình: *Ai về nhẩn với nậu nguồn/ Mít non gói xống, cá chuôn gói lên.* Nậu và nẫu là đại từ danh xưng vùng Quảng Ngãi, Bình Định.

Hình tượng trung tâm của văn học dân gian miền biển Đà Nẵng trong ca dao là hình tượng của người ngư dân vươn khơi, bám biển:

*Dù cho sóng biển gió to
Ta đây vẫn bám biển vững lo tay chèo*

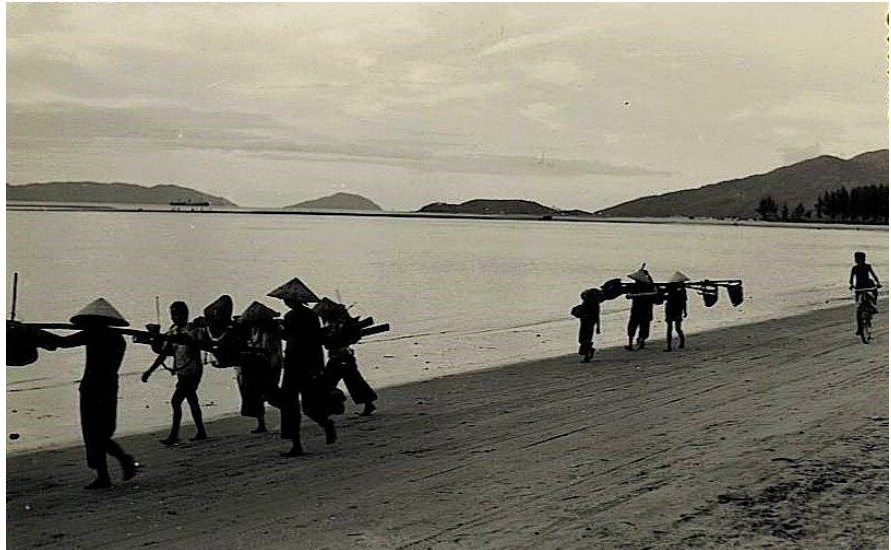
Người đàn ông cam chịu hy sinh hạnh phúc riêng tư để lo cho gia đình:

*Bữa nay anh gói tay nàng
Đến mai ra biển anh gói giàn dây neo*

*Ngư dân cào nghêu ở bãi
biển Thanh Bình 1960 (Ảnh
tư liệu)*

Bên cạnh đó, cũng như văn học dân gian dân tộc, hình tượng người phụ nữ bao giờ cũng là hình tượng đẹp, xứng đáng với bốn chữ vàng mà Bác Hồ đã khen tặng: *Kiên cường, Bất khuất, Trung hậu, Đảm đang*. Hình tượng người phụ nữ miền biển Đà Nẵng cũng thật đáng ca ngợi:

*- Khéo khen con gái xóm chài
Thức khuya dậy sớm chẳng nài lưới hư
Lưới hư thì mặc lưới hư
Tôi đi bắt ốc cũng dư nuôi chồng*
*- Khen thay con gái Thọ Quang
Sớm mai đi chợ, tôi mảnh mảnh*



Trong xã hội phong kiến người phụ nữ chịu nhiều áp bức nên hình tượng người phụ nữ thường là hiện thân của những khổ đau trong cuộc sống :

Con cò lặn lội bờ sông

Ngày xuân mòn mỏi má hồng phôi pha

Tuy nhiên, càng vào Nam người dân càng xa dần những ràng buộc khắc khe của lễ giáo phong kiến, do đó người phụ nữ ở đây cũng đã có những phản kháng mạnh mẽ:

Trai năm thê bảy thiếp

Gái chính chuyên ba mươi sáu thằng chồng

Một thằng đem bỏ biển đông

Một thằng đem đổ xuống sông giang hà

Ba mươi thằng đem bỏ ngã ba

Một thằng kết nghĩa giao hòa ngàn năm

Ca dao phản ánh những khó khăn trong cuộc sống của miền biển:

Cái nghèo đeo dưới nước

Cái cực bước lên bờ

Gió lay chi nữa con đò

Thân tôi như bụi cỏ xơ ngoài đồng

Bão trên trời bão xuống

Giặc ngoài Huế đánh vô

Trời làm cực khổ đế đô

Đầu đội lửa thép khổ chùng mô hời trời.

- Ca dao phản ánh tình yêu lúa đôi

Đây là mảng đề tài phát triển rực rỡ nhất. Ca dao tình yêu lúa đôi ở miền biển cũng thể hiện đầy đủ những cung bậc cảm xúc của đôi lứa yêu nhau: Gặp gỡ, yêu thương, thề nguyện, gắn bó hay xa cách, nhớ nhung, đợi chờ:

Nhớ thương

*Ngó lên trên trời, trời cao lồng lộng
Ngó về dưới biển biển rộng chơi vơi
Rạng ngày mai mỗi đũa mỗi nơi
Bưng chén cơm lên, để đôi đũa xuống
Không vơi hột nào*

*Anh về bên nớ sông Hàn
Để tấm áo lại em chùi lệ tuôn
Anh về thất thể về luôn
Để tấm áo lại em tuôn lệ chùi.*



Đường Bạch Đằng (rue Courbet) – Trụ sở của hãng Liên hiệp thương mại Đông Dương và Phi Châu (L'U.C.I.A) lập năm 1904- Về sau là trụ sở Tổng lãnh sự Hoa Kỳ trước 1975 – Sau năm 1975 là nhà trưng bày chứng tích tội ác ĐQM – Ngày nay là tòa nhà khách sạn Indochina River side – Ảnh cho thấy đây là con đường trung tâm của thành phố Đà Nẵng, nơi có bến tàu,

đường hỏa xa và các tòa nhà lớn của các công ty thương mại. Một chiếc Renault 1927 của hãng Staca đang chở khách trên đường. Phía xa là những chiếc xe kéo và những cư dân lao động buôn gánh bán bưng trên vỉa hè. (Ảnh tư liệu)

Đợi chờ:

*Tô cơm nguội đĩa mắm còng
Anh có đi sông Nam, biển Bắc
Em vẫn giữ tâm lòng trung trinh*

Mai sau biển cạn thành gò

Sông Dinh cạn nước bạn để chiếc đò cho ai¹
Than trách:

*Qua cầu vừa tới Phước Ninh
Ta chưa bỏ bạn, sao bạn lại bỏ nghĩa tình làm ri?*

*Trời sao trời vội mưa dông
Em sao em vội lầy chồng bỏ anh*

*Bớ ghe ai đợi cùng em
Ghe em chở nặng nghĩa tình không nên*

*Ngó ra ngoài biển Cù Lao
Ngó về cửa Đại thấy bao con cá tròng
Hai ta thương nhớ nửa chùng
Dẫu thương không được mà đừng cũng không nên...*

Xa cách:

*Dậm chân xuống đất cái keng
Ta mà xa bạn nhiều phen thăm sâu
Phải chi ngoài biển có cầu
Ta ra ta giải con sâu cho voi*

*Thiếp không thương chàng thì ra chỗ dở
Cho nên thiếp phải thương đỡ vài ngày
Thiếp có chồng rồi thiên hạ đều hay
Sợ nước lui về Đông hải càng ngày càng xa
Thề nguyên gắn bó:
Sông biển cách, lòng ta không cách*

¹ Dị bản

*Nặng lâu biển cạn thành gò
Sông ngân hà cạn vắt bạn sắm chiếc đò đợi ai*

*Nước chảy đá mòn ngài bạn không quên
Đường mòn sớm xuống chiều lên
Dặn ai ai nhớ đừng quên nghĩa tình.*

*Anh thề một dạ sắt son
Một bên là biển bên còn là em.*

*Ngó ra ngoài biển thăm thăm
Thấy chỗ chàng nằm thấy nón chàng treo
Nón chàng treo có người theo giữ
Cái chỗ chàng nằm có chỗ đề thơ*

*Sớm mai lên núi củi than
Chiều về xuống biển đào hang bắt còng
Rứa mà hai đũa ta chặt dạ bên lòng
Ai có dăng dây cũng dứt
Ai có đặt vòng cũng mở ra*

Luyên lư:

*Ra về rặng đước mà về
Ra về bỏ tấm lưới mảnh ai đan*

Ca dao tình yêu thể hiện khát vọng yêu đương, hạnh phúc lứa đôi. Họ cùng nhau vun vén hạnh phúc giữa những con người cùng cảnh ngộ:

*Ngó lên rươn lươn¹ phơi dùn²
Nàng tiên bị đọa anh hùng sa cơ
Kình nghê bơi với kình nghê
Tép tôm thì lại vui bề tép tôm*

Ca dao miền biển Đà Nẵng đã thể hiện một cách sâu sắc những giá trị biểu cảm tinh tế trong ca dao tình yêu lứa đôi:

¹ Rươn lươn: là tấm lưới lớn giăng qua một cái cây to.

² Phơi dùn: là phơi co dùm lại không được căng.

*Nửa về nửa muốn ở đây
Nửa mắc trong lưới nửa say trong thuyền*

*Chiều chiều mây phủ Sơn Chà
Lòng ta thương bạn nước mắt và lộn cơm
Vẫy vùng như cá trong nơm
Sớm mai Nam ta trông bạn, buổi chiều Nôm bạn trông ta*

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nhớ thêm rằng trong ca dao tình yêu tiếng nói đó không đơn thuần là tiếng nói ngọt ngào của hạnh phúc lứa đôi, mà đôi khi đó còn là tiếng khóc tiếng than của lứa đôi trước nghịch cảnh:

*Đôi ta gắn bó thề nguyên
Vì ai nên phải lỡ duyên lỡ dở*

*Nhón chun kêu bớ ông trời vàng
Làm chi thảm cảnh dở dang ri hời trời*

*Ai làm cho lưới bỏ dăng
Cho cá bỏ nước
Cho mình bỏ em*

Ca dao Đà Nẵng miền biển Đà Nẵng thể hiện rõ tính cách con người Đà Nẵng, yêu ghét rạch ròi:

*Có thương thì thương thì thương cho chắc
Còn bằng trực trặc trực trặc cho luôn
Đừng như con thỏ nọ đứng đầu truông
Khi vui kha khá, khi buồn quau quau*

Họ thích lý sự và đôi khi lý sự trong cả ca dao tình yêu:

- Ông già tui chẳng ưa đâu
Hàm râu ông rụng chòm râu ông dài
- Con tôm con tép có râu

*Hướng chi em bậu câu mau sự đợi
Thương nhau vừa dậm vừa dài
Cẩn rứt chi đó mà đòi hàm răng.*

*Đình làng Phước Ninh xưa
(đường Lê Đình Dương).
Xưa nơi đây nhà tranh
vách đất, dân thưa thớt. Cư
dân sống bằng nghề làm
muối, trồng trọt. (Ảnh tư
liệu)*



Người dân
lao động miền
biển rất lạc quan,
yêu đời. Họ
thường mượn câu

hát, điệu hò để làm vui đi những nhọc nhằn trong cuộc sống. Hát hò khoan đối đáp có những câu bông đùa thật thú vị:

NỮ: *Em hỏi anh ở dưới biển có một con cua
Kẻ kêu con còng cái, người chỉ kêu con còng
Đó trai nam hơn đối đặng
Đây gái nữ nhi cho nhập phòng một đêm!*

Thừa biết đó chỉ là một lời hứa không thật nên anh trai đã chọn trả lời một cách cao đạo:

NAM: *Em ơi ! Ở trên rừng có một con cào cào
Kẻ kêu con châu chấu, người lại kêu con vạc sành
Trai nam nhi đã đối lại rất nhanh
Bữa ni anh mệt quá thôi để dành đêm mai.*

Có khi anh con trai lại mở miệng hát trước:

NAM: *Trên trăng dưới nước anh đứng trước mũi thuyền
(mũi thuyền)*

Bao nhiêu con sóng dợn anh thương nàng bấy nhiêu.

Cô gái tinh nghịch trả lời:

NỮ: *Anh ơi ! Chớ anh thương sao đặng mà thương
Quần em vẫn chặt như rương khóa rồi.*

Gặp anh con trai cũng không phải tay vừa nên trả lời một cách lì lợm:

NAM: *Em ơi ! Khóa rồi thì mặc khóa rồi
Chờ cho cha mẹ ngủ anh lần hồi mở rương.*

NỮ: *Thuyền tôi chở lưới chở câu
Thuyền đâu mà chở hàm râu ông già*

NAM : *-Thuyền em bán mấy anh mua cho
Đem về làm đồ chở khách vắng lai*

NỮ: *-Thuyền em để giá ba ngàn
Không tin anh đội về làng anh coi*

NỮ: *Gặp ba trò khiến hỏi ba trò
Đường vô trong bếp có đồ hay không
Người vô duyên hỏi chuyện vô tình*

NAM: *Đường đi ra Huế, ra kinh mới có đồ
Đường vô trong bếp có trầu có tro
Một mình nàg chài cả chớ ai lo cho mình*

NAM - *Cối xay mười sáu cái niềng
Tui đó em bậu thuyền quyên mấy chèo?
- Thuyền quyên mười sáu cái chèo
Tui đó các cậu con mèo mấy lông?
- BẠN đó chi mà đó ngật đó nghèo
Đó chi không đó lại đó con mèo mấy lông
Ai về tát cạn biển đông
Thì ta đây mới đếm hết mấy cái lông con mèo*

Trong xã hội phong kiến những nghịch cảnh ấy thường là do những quan niệm lạc hậu của lễ giáo: Môn đặng hộ đói, cha mẹ đặt đâu con ngồi đó... chính những lý do này đã tạo nên những đón đau của những mối tình trong xã hội cũ.

- Ca dao chống Pháp – chống Mỹ

Trong kháng chiến chống Pháp, ca dao xứ Quảng chuyển sang một thời kỳ mới. Nếu trong thời kỳ nay ca dao trữ tình xứ Quảng có thêm một nhân vật trữ tình mới là người dân mất nước thì ca dao trào phúng xứ Quảng cũng có thêm một hình tượng mới để châm biếm, đả kích đó là quân xâm lược và bọn tay sai:

*Cắc bự cắc bự xòa
Ba thằng bảo vệ bắt gà bắt heo
Cắc bự cắc bự xèo
Ba thằng bảo vệ bắt heo bắt gà.*

Lời vợ khuyên chồng:

*Nước sông Hàn đời mô cho hết mặn
Rừng Sơn Chà ai đốn cho hết cây
Lời nguyên anh đó em đây
Biểu anh đừng đi lính cho Tây ma em phiền*

Ca dao chống xâm lược Pháp - Mỹ chiếm tỉ lệ cao trong số tư liệu sưu tầm được ở miền biển Đà Nẵng. Nhiều câu ca dao thể hiện lòng căm thù giặc sâu sắc:

*Cho dù giặc Mỹ trăm tay
Cũng không chia được đất này Đồng Nai
Cho dù cạn nước Đồng Nai
Nát chùa Non Nước không sai tác lòng*

Đất cũng như người Đà Nẵng một lòng kiên cường bất khuất:

*Đất trời biển rộng mệnh mông
Người không khuất phục cây không úa màu*

Bền gan, không hề nao núng trước kẻ thù:

*Giặc phá nhà ngói ta dựng nhà tranh
Giặc phá ghe mảnh ta sắm thúng đi câu*

Lịch sử Đà Nẵng đã sản sinh ra biết bao liệt sĩ, bao bà mẹ anh hùng. Có những bà mẹ đã thành một hình tượng đẹp tạc vào thế kỷ như mẹ Nhu. Người mẹ miền biển ở Thanh Khê, Mẹ đã đào hầm nuôi quân Giải phóng, chết trong tư thế tiến công xông lên đánh thẳng vào kẻ thù. Tượng mẹ ở phía Bắc thành phố được dựng lên như một pho tượng khắc vào trong lòng mỗi người dân thành phố những công ơn to lớn của mẹ. Nói sao hết nhưng hy sinh, những công hiến của các mẹ, các anh. Có lẽ chính vì thế mà Bác Hồ đã thương tặng cho Quảng Nam, Đà Nẵng tám chữ vàng ngời sáng “**Trung dũng, kiên cường đi đầu diệt Mỹ**”.

Tư duy, tính cách, khí tiết người Đà Nẵng được phản ánh trong văn học dân gian đã phần nào khắc họa bản sắc văn hóa của con người Đà Nẵng. Bản sắc ấy, tính cách ấy càng được tô thắm, bồi đắp, phát triển trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa Xã hội.

Thành phố Đà Nẵng hôm nay, nhiều công trình mới, nhà máy mới, công trường mới đang mọc lên từng ngày, từng giờ làm thay da đổi thịt thành phố quê hương. Câu ca dao xưa phản ánh một thời cơ cực:

Đời ông cho chí đời cha

Đời nào khổ cực cho qua đời này

Nay đã mang một âm hưởng mới đầy tự hào, phấn khởi:

Đời ông cho chí đời cha

Đời này mới thấy cầu qua sông Hàn

Bài ca dao Mười Thương cũ nay đã được cải biên ca ngợi thành phố:

Một thương bến cảng sông Hàn

Đông Tây quốc tế tàu bạn từng đoàn lại qua

Hai thương bến cảng Tiên Sa

Nhấp nhô sóng gợn bài ca phố phường

Ba thương rạp hát Trưng Vương

*Đón chào nghệ sĩ nẻo đường gần xa
Bốn thương chợ mới Sơn Chà
Chợ Hàn, Tam Giác, rồi qua chợ Cồn
Năm thương cô Bốn sắt son
Nguyễn Văn Trỗi đó danh cầu còn ghi
Sáu thương My Thị đôi my
Ngó về Sơn Chà mây phủ xanh rì biển Đông
Bảy thương chợ Mới Vòng Đòng
Viện Chàm dấu tích Lạc Long Thiên Thần
Tám thương đường gọi Núi Thành
Điện Biên hai ngã lối giành vô ra
Chín thương tròng nước cây Đa
Mẹ Nhu bao quản đó là nẻo thông
Mười thương đường móng Cầu Vòng
Áp ôm phố cảng cả trong lẫn ngoài
Vu lan Đà Nẵng hảnh hiên cảnh thêm
Đa khoa bệnh viện Đà Nẵng hảnh hoài cứu sanh
Chín ơn về, em lại gặp anh
Quảng trường đô hội Đà Nẵng địa danh của tỉnh nhà.*

Giữa vùng đất phía Đông và phía Tây sông Hàn hôm nay mà đã có gần chục cây cầu nối hai bờ làm cho bộ mặt của miền biển Đà Nẵng thay đổi một cách ngoạn mục. Nếu dân gian ngày xưa có câu nói ví von:

Con gái Quận Ba¹ không bằng bà già Quận Một²

Thì nay được đổi lại:

Con trai Quận Một không bằng thằng chột Quận Ba

Trong hàm ý của sự so sánh, Câu nói trên không nhằm khích bác một điều gì mà chỉ là phản ánh sự thay đổi diệu kỳ của vùng biển Đà Nẵng hôm nay. Đà Nẵng có cả ba yếu tố **Văn hóa biển**,

¹ Quận 3 trước đây nay là gồm quận Sơn Trà và một phần quận Ngũ Hành Sơn

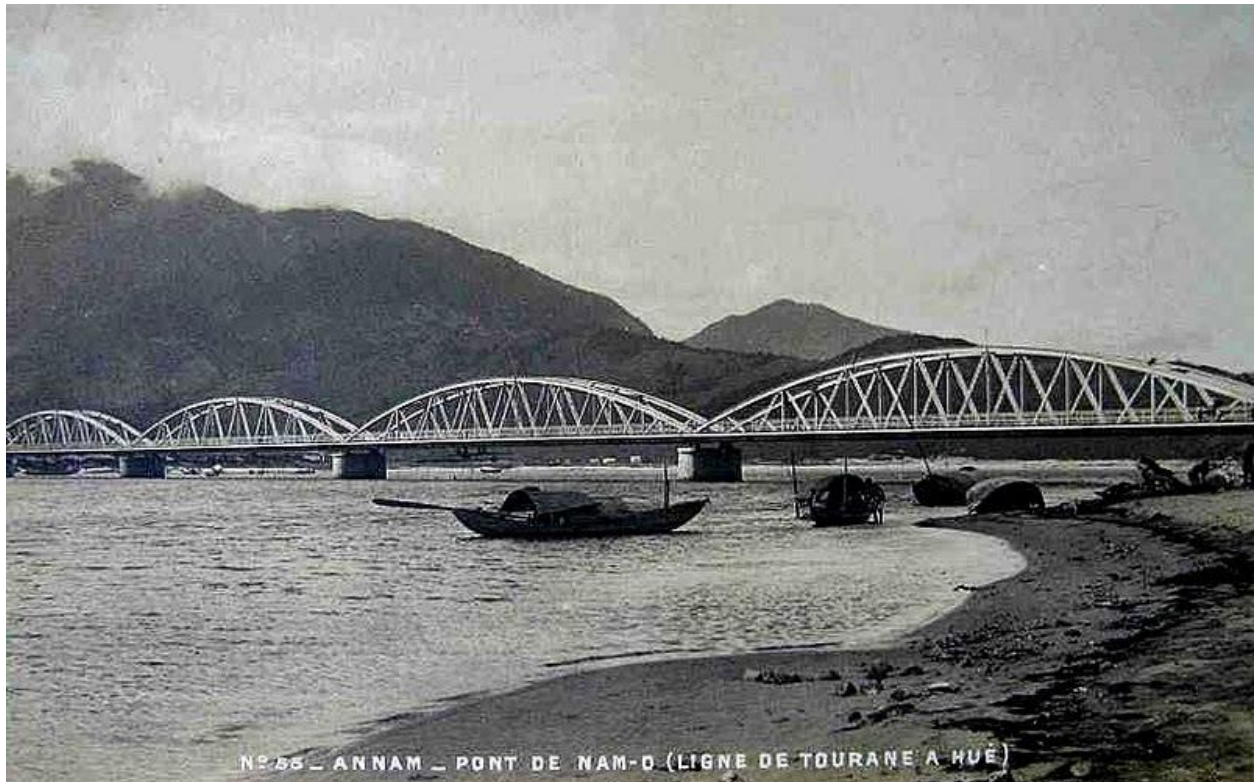
² Quận 1 trước đây nay là quận Hải Châu

Văn hóa đồng bằng, và Văn hóa núi. Tuy nhiên nhờ tiếp giáp với biển đông nên có lẽ **Văn hóa biển** là ghi dấu ấn mạnh mẽ hơn cả.

Trong thời đại mới, văn học dân gian tiếp tục làm nhiệm vụ của mình phản ánh những tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của nhân dân Đà Nẵng. Đà Nẵng hôm nay đang mời gọi:

*Mời anh về thăm quê em Đà Nẵng
Khi đỉnh Sơn Trà mây trắng còn vương
Câu dân ca quê mẹ mền thương
Còn vang vọng trên sông Hàn
Theo nhịp thuyền sóng vỗ
Lên đỉnh Hải Vân nhìn về khắp phố
Những chiếc cầu nối nhịp đôi bờ
Bao nhiêu nguyện vọng trong mơ
Giờ cầu nối nhịp hai bờ đông tây
Luyến lữ khách đến đây
Yêu người Đà Nẵng càng say tình người
Qua cầu vào những mùa trăng
Lung linh chiếc bóng như chị Hằng sang sông
Tóc em gió thổi bành bông
Hoa tươi em gánh đến chợ đông kịp giờ
Từ ngày cầu nối đôi bờ
Quê tôi Đà Nẵng từng giờ đổi thay
Rộn ràng bến cảng sân bay
Đón đưa du khách mỗi ngày đông vui
Thênh thang đường mới ngược xuôi
Tung bay tà áo reo vui sân trường
Ngũ hành mây quyện khói hương
Dập dìu lữ khách bốn phương đổ về
Chiều hè đến biển Mỹ Khê
Người vui với sóng gió về thông reo*

Sơn Khê máy dậm lên đèo
Đây rồi tiên cảnh cáp treo Bà Nà
Mây trời non nước bao la
Cảnh qua thiên tạo thật là đáng yêu
Ghé khu công nghiệp về chiều
An Đồn Liên Chiểu tiếng máy reo rộn ràng
Quảng trường 2/9 mới sang rộn ràng
Thăm đài tưởng niệm ghi chiến công những anh hùng
Hi sinh dũng cảm kiên trung
Vì quê hương đất nước thủy chung rạng ngời
Tấm gương chiếu sáng muôn đời
Cho bao thế hệ ngàn lời tri ân
Quê tôi Đà Nẵng mến thương
Quyết tâm xây dựng quê hương đẹp giàu
Ngành ngành đoàn kết cùng nhau
Người người hăng hái ngày ngày thi đua
Như hoa nở rộ bốn mùa
Công trường nhà máy tiếng cười hân hoan
Hòa Vang đẹp những mùa vàng
Quê tôi Đà Nẵng muôn ngàn mến yêu.



Cầu Nam Ô (Ảnh tư liệu)

- Ca dao phản ánh đặc trưng văn hóa ẩm thực của người miền biển:

Ca dao thể hiện đậm nét những bản sắc của một vùng văn hóa. Người Việt trên con đường Nam tiến vừa chăm chút giữ gìn văn hóa Đại Việt quê cha đất tổ vừa tiếp bước sáng tạo nên những giá trị văn hóa mới, để phù hợp với những điều kiện sinh hoạt tồn tại và phát triển ở một vùng đất mới. Người Quảng nói chung và người Đà Nẵng nói riêng có đủ cơ sở để tự hào về mảnh đất quê hương đó là một vùng đất màu mỡ, thiên nhiên ưu đãi, giàu sản vật, giàu truyền thống văn hóa. Trong văn hóa miền biển đáng chú ý nhất là văn hóa ẩm thực. Đà Nẵng có những món ăn đặc sản như: *Mỳ quảng, cao lầu, bánh quai vạc, bánh ít, bánh khô, bánh nỏ, bánh khô mè, bánh gừng, bánh tổ, bánh tét, bánh tráng thịt heo,...*

Người Đà Nẵng từ xưa đến nay vẫn mang tính chất của người đi khai phá. Vì thế họ ăn uống không cầu kì chỉ cốt ăn chắc mặc bền, miễn sao đủ chất đủ lượng để lao động. Họ thích những món ăn dân giã của quê hương:

- *Thương em vì cá trích ve*

Vì rau muống dượt, vì mè trộn măng

- *Chiều chiều ra đứng ngõ sau*

Thấy em kho mắm luộc rau mà thèm

- *Ăn tiêu nhớ toi mùi hành*

Dù có ăn nêm gà, chả vịt cũng nhớ tới rau canh, mít già.

Người Đà Nẵng rất chuộng những món ăn có tính tổng hợp cao, chế biến gồm nhiều thành phần: Các loại rau, các loại hải sản, các loại thịt, các loại bánh chế biến từ bột: *Bánh canh, món trộn, món cuốn...*

Trong các đặc sản nơi đây chú ý nhất là mắm. Mắm là món ăn người Quảng nói chung và người Đà Nẵng nói riêng tiếp thu văn hóa ẩm thực của người Chăm nhưng có cải tiến *Mắm là cách bảo quản và mang con cá theo người hoàn mỹ nhất*. Có nhà nghiên cứu nói rằng tương là một nét đặc trưng trong văn hóa ẩm thực miền Bắc, mắm là nét đặc trưng trong văn hóa ẩm thực miền Nam. Có thể nhấn mạnh rằng: *"Mắm đứng ở trung tâm của văn hóa ẩm thực xứ Quảng"*¹ Có nguyên liệu từ hải sản chúng ta thấy mắm thật phong phú: mắm cá, mắm nêm, mắm ruốt, mắm cơm, mắm kinh, mắm giò:

Xóm Cồn là là xóm Cồn còi

Rau lang mắm mại mà coi như vàng

¹ Nguyễn Ngọc 2005, *Tìm hiểu con người xứ Quảng*. Nxb Đà Nẵng.

Tùy theo loại cá được sử dụng làm mắm mà người ta lại đặt cho nó những tên riêng. Nếu người xứ Bắc khi xa quê *nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương* thì người Quảng người Đà Nẵng lại nhớ mắm. Mắm là món ăn gần gũi nhất với người dân xứ Quảng. Nhưng mỳ Quảng mới là món ăn đặc sản nổi tiếng:

*Thương nhau múc bát chè xanh
Làm tô mỳ Quảng mời anh xơi cùng*

Ngày nay Đà Nẵng còn có nhiều món đặc sản mới ra đời sau như: *Bún chả cá, bánh canh...*. Đặc điểm của những món ăn này cũng mang tính tổng hợp trong các thành phần chế biến cũng như cách thức chế biến. Điều đó đáp ứng yêu cầu của những con người nơi đây. Họ ăn uống không cầu kỳ, thích hương vị mặn mà của biển:

*Bữa nay đợi bún chợ Chùa
Đợi mắm Nam Ô, đợi cua lang Gành*

Trong quan niệm thẩm mỹ về ẩm thực, người miền biển Đà Nẵng thương trọng thực chất, ít cầu nệ hình thức:

*Chuối xanh nấu với óc nhồi
Tuy nước nó xám mà mùi nó ngon.*

Đặc trưng văn hóa ẩm thực cang góp phần tô đậm khắc sâu những tính cách của con người miền biển Đà Nẵng.

- Một số đặc điểm thi pháp của ca dao miền biển Đà Nẵng

Theo Chu Xuân Diên “*Thi pháp văn học dân gian là toàn bộ những đặc điểm về hình thức nghệ thuật và thủ pháp miêu tả, biểu hiện.*”

+ *Thể thơ:*

Ca dao miền biển Đà Nẵng cũng được sáng tác bằng nhiều thể thơ nhưng đa số là *lục bát biến thể*. Theo thống kê bước đầu của chúng tôi, trong số tư liệu ca dao sưu tầm được ở miền biển

Đà Nẵng *lục bát biến thể* chiếm khoảng 82,5%. Sự biến đổi này không chỉ xảy ra ở câu sáu, câu tám, mà còn xảy ra ở cách gieo vần, luật bằng trắc.

+ *Cấu trúc*

Trong ca dao miền biển Đà Nẵng có cấu trúc lời đơn và lời đôi. Những bài có cấu trúc lời đơn thường dàn trải, nó như muốn kéo dài và thoát ra khỏi cái khuôn khổ chật hẹp của cấu trúc ca dao cổ. Do yêu cầu đôi mới, sáng tạo đôi khi có sự phá vỡ cấu trúc, từ cấu trúc lời đơn chuyển thành lời đôi để diễn đạt một quan niệm mới. Ca dao cổ có câu cấu trúc lời đơn:

Ra đi mẹ có dặn dò

Sông sâu chớ lội đò đầy chớ sang

Thì ca dao xứ Quảng đã biến thành một cấu trúc lời đôi :

Ra đi mẹ có dặn dò

Sông sâu chớ lội đò đầy đừng qua

- *Sông sâu không lội thì trưa*

Đò đầy không xuống ai đưa một mình

+ *Ngôn ngữ:*

Đặc trưng của ngôn ngữ ca dao là giản dị, dễ hiểu, đôi khi gần với ngôn ngữ nói:

-*Ai ơi chớ lấy ghe bầu*

Cái lưng móc théch, cái đầu hôi chai.

-*Anh đà có vợ hay chưa*

Mà anh lại đứng góc dờ nhà tôi

Trong ca dao Đà Nẵng chúng ta không gặp các từ cổ theo kiểu: *nỏ: không, cừi: sân, mán: váy...* mà thường gặp các từ ngữ mới với sự diễn đạt rất tự nhiên thoải mái, mộc mạc, giàu chất sống. Ca dao cổ có câu:

Trai ba mươi tuổi còn xoan

Gái ba mươi tuổi đã toan về già

Đến Đà Nẵng đã mang một dáng vóc mới với những hình ảnh mới:

*Trai ba mươi tuổi còn xinh
Gái ba mươi tuổi như bình **mắm nêm***

*Trai ba mươi tuổi còn xinh
Gái ba mươi tuổi như nhìn **mắm heo***

Trong ca dao Đà Nẵng có một từ địa phương xuất hiện với tần số cao: Các đại từ nhân xưng như: *Bạn, qua, bậu, em bậu* hoặc những hư từ đặc trưng của vùng như *mô, tê, răng, rứa ...* các ngữ khí từ như: *Hè, hi, hung, tuốt, tron, trọn*. Đặc biệt, có những từ trong ngôn ngữ sinh hoạt người miền Đà Nẵng có dùng như: *Nẫu và nậu nhưng tuyệt nhiên trong ca dao không thấy có dùng*. Người Đà Nẵng thay từ *Nậu* bằng từ *bạn*: :

*Đừng chê bạn rồi tanh hôi
Không có bạn rồi không rồi nôi com*

Người miền biển đã dùng phương thức ghép để tạo nên một số từ mới biểu hiện đậm đặc sắc thái của người miền biển: *Bạn ghe, bạn rồi, bạn nại..., giả đôi, giả tép, giả cào... biển già, cá mắm..* hoặc một số loài cá chỉ còn thấy còn được lưu giữ bài đồng dao, bài vè mà ngày nay không thấy vùng biển Đà Nẵng nữa như: *Cá sừ, cá đày, cá ngô, cá cây, cá thiếu...* Về phương diện ngữ âm người Quảng nói chung và người miền biển Đà Nẵng nói riêng thường phát âm ở âm vực cao nên nghe rất vang, người miền biển nói giọng nặng, đôi khi lại chệch ra khỏi cái chuẩn của tiếng Việt văn hóa: ăn => [en], bát => [boác], đánh => [quánh], ời => [boi]... Bên cạnh những biến âm chung của phương ngữ Nam, ca dao miền biển Đà Nẵng còn bị chi phối bởi những biến âm đặc thù của địa phương: ao => [ô]:

Tay cầm con dô (dao)

Tay trô (trao) cái rô

Cắt cổ máu trở (trào)

Gắng công thương bạn được chừng nô (nào) thì thương.

Những biến âm này cộng với cách dùng từ một cách sống sít, tự nhiên làm cho câu ca dao nơi đây thiếu sự mượt mà, trau chuốt. Những từ ngữ địa phương xuất hiện đúng chỗ sẽ là công cụ đắc lực để chúng ta xác định ca dao mỗi vùng, miền. Chính những đặc điểm trên đã tạo nên nét riêng trong phong cách ca dao miền biển Đà Nẵng. Tuy nhiên, để xác định phong cách ca dao mỗi vùng, miền chúng ta còn cần phải nhìn nhận nó ở nhiều bình diện khác nữa. Trong nhiều trường hợp, tuy trên bình diện ngôn ngữ chúng ta không thấy dấu hiệu của một phương ngữ nào nhưng nếu so sánh từng cách nói, cách diễn đạt chúng ta vẫn có thể tìm ra những nét riêng “*Nét riêng ấy ẩn sâu gắn với từng vùng văn hóa, từng phong thái lịch sử. Bởi vì phong cách ca dao cũng chính là phong cách con người*”¹

Ca dao miền biển Đà Nẵng đã làm rung động trái tim bao con người, bao thế hệ, hấp dẫn tâm hồn con người Đà Nẵng với bao nỗi đam mê khát vọng. Những câu ca ấy đã bay theo thời gian, quyện vào không gian và được hít sâu trong từng hơi thở. Ở đây dù uất hận đờn đau với tâm trạng của người dân mất nước hay đau buồn xót thương trước những mối tình tan vỡ, dù buồn chán giận hờn hay yêu thương tin tưởng...tình cảm cũng được bộc lộ theo một cách riêng của con người Đà Nẵng mãnh liệt, thiết tha, nặng nghĩa ân tình. Ca dao là một bộ phận quan trọng trong đời sống tinh thần của người Đà Nẵng. Đây cũng là một tư liệu rất quý để chúng ta có thể hiểu sâu hơn con người địa phương. Bên cạnh đó lời của những bài ca cũng góp phần làm chúng ta hiểu rõ

¹ Theo Trịnh Sâm (2001), *Đi tìm bản sắc văn hóa tiếng Việt*, Nxb Trẻ.

hơn về sự kế thừa và phát triển của người Đà Nẵng trong việc vận dụng thi ca truyền thống.

Về hệ thống thể loại thông qua điền dã, khảo sát chúng ta thấy hệ thống thể loại Văn học dân gian miền biển Đà Nẵng phát triển không đồng đều, có những thể loại phát triển rất mạnh như vè, lại có những thể loại ít phát triển như: Ngụ ngôn. Việc xác định đề tài chỉ là khảo sát Văn hóa miền biển thật ra cũng chỉ mang tính cách tương đối, chúng ta cần nhớ rằng văn học dân gian miền biển luôn có sự giao lưu mật thiết với các vùng miền khác ở xứ Quảng, trên dải đất miền Trung và cả nước.

Văn học dân gian là cội nguồn, là bầu sữa mẹ nuôi dưỡng nền văn học dân tộc, văn học dân gian miền biển Đà Nẵng đã hút đun khí tiết của con người miền biển. Văn học dân gian luôn đồng hành cùng lịch sử, phản ánh mọi mặt trong đời sống, tư tưởng, tình cảm của con người nơi đây trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Văn học dân gian nơi đây vẫn bám rễ sâu vào vốn văn học của dân tộc nhưng có sự phát triển và kế thừa để phù hợp với sự phát triển của vùng đất mới.

Vốn sinh ra từ cuộc đời trăm đắng ngàn cay, nhưng cái đắng cay không sao vùi dập được cái ngọt ngào của nhân dân lao động. Người Đà Nẵng luôn ước vọng về một tương lai tươi đẹp:

Qua rồi cực khổ gian nan

Để cho con cháu giàu sang với đời

Văn học dân gian miền biển Đà Nẵng sẽ mãi mãi là tấm gương phản chiếu trung thành hiện thực xã hội cùng với những tâm tư, tình cảm thiết tha của con người Đà Nẵng./.
